

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 09/HONECO/2019**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân:

- Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo
- Địa chỉ: Tổ dân phố Hương Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.
- Điện thoại: 0211. 3871. 369
- Mã số doanh nghiệp: 2500214564

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Mật ong hoa rừng đặc biệt**

2. Thành phần: Mật ong hoa rừng tự nhiên 100%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng kể từ ngày sản xuất (*Ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên nắp hoặc trên nhãn sản phẩm.*)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh hoặc hũ nhựa đảm bảo theo:
  - QCVN 12-4:2015/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng thủy tinh, gốm sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
  - QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp
- Quy cách đóng gói: Đảm bảo theo thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN Quy định về đo lường đối với hàng hóa đóng gói sẵn.  
Quy cách: 100g, 250g, 360g, 500g, 800g, 860g, 1000g,...
- Hoặc các bao bì khác theo yêu cầu khách hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
- Sử dụng thùng carton để đựng sản phẩm và vận chuyển

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

- Nhãn dự kiến: Nội dung đính kèm hồ sơ

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đăng ký (*có bản tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm*)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 08 năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Lê Thị Nga*

**BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**

1. Sản phẩm: **Mật ong hoa rừng đặc biệt**
2. Sản xuất tại nhà máy :  
 Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo  
 Địa chỉ: Hương Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.
3. Trạng thái sản phẩm:  
 Dạng bào chế: dạng lỏng của mật ong  
 Màu sắc: Màu vàng sáng đến màu vàng thẫm
4. Thành phần cấu tạo: Mật ong hoa rừng tự nhiên 100%  
 Đặc biệt được chọn lọc kỹ lưỡng, tinh xảo từ những nguồn hoa rừng quý thuộc các khu rừng phía Bắc Việt Nam vào mùa lạnh
5. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: TCVN 5267-1:2008

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng nước	%	≤ 21
2	Hàm lượng fructoza và glucoza	g/100g	≥ 60
3	Hàm lượng sacaroza	g/100g	≤ 5
4	Hàm lượng chất rắn không tan trong nước	g/100g	≤ 0,5

6. Giới hạn an toàn của sản phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Mức công bố
1	TSVKHK	CFU/g	TCVN: 5375:1991	≤ 15.000
2	E.Coli	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
3	Vị khuẩn kỵ khí sinh H <sub>2</sub> S	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
4	Salmonella	CFU/25g	TCVN: 5375:1991	0
5	S.aureus	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
6	Nấm mốc	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
7	Nấm men	CFU/g	TCVN: 5375:1991	≤ 1000
8	Arsen (As)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 1
9	Thủy ngân (Hg)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 0,05
10	Chì (Pb)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 2

11	Cadimi (Cd)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 1
12	Aflatoxin B <sub>1</sub>	μg/kg	Số 46/2007/QĐ-BYT	≤ 5
13	Aflatoxin B <sub>1</sub> B <sub>2</sub> G <sub>1</sub> G <sub>2</sub>	μg/kg	Số 46/2007/QĐ-BYT	≤ 15

**7. Hướng dẫn sử dụng:**

Mỗi lần lấy 2-3 thìa (20g-25g) pha với nước ấm, ngày uống 2 lần trước bữa ăn sáng và tối trước khi đi ngủ.

Ăn trực tiếp hoặc pha với trà, coffe, nước giải khát, ngâm với các thảo dược quý.

**8. Cảnh báo:**

Sản phẩm có thể kết tinh khi thay đổi nhiệt độ, không ảnh hưởng hay làm giảm chất lượng sản phẩm.

Ngâm sản phẩm vào nước nóng 60-80oC cho tan ra và sử dụng bình thường

**9. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói:**

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh hoặc hũ nhựa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách đóng gói: 500 ml, 600 ml, 700 ml, 750 ml, 900ml, 28g, 45g, 250 g, 450 g, 500 g, 600 g, 850g, 1000 g...hoặc các bao bì khác theo yêu cầu khách hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Sử dụng thùng carton để đựng sản phẩm và vận chuyển

**10. Thời hạn sử dụng:** 03 năm kể từ ngày sản xuất ( ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên nắp hoặc trên nhãn sản phẩm.)

**11. Hướng dẫn bảo quản:**

Đậy kín, để nơi thoáng mát sau khi mở nắp, tránh ánh nắng trực tiếp

Vinh Phúc, ngày 26 tháng 08 năm 2019

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BAN HÀNH KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Nga*

**BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM****1. Sản phẩm: Mật ong hoa rừng đặc biệt****2. Sản xuất tại nhà máy :**

Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo

Địa chỉ: Hướng Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.

**3. Yêu cầu cảm quan:**

- Trạng thái: Dạng lỏng sánh đến dạng kết tinh
- Màu sắc: Mật ong có nhiều màu từ không màu đến màu nâu sẫm
- Mùi: Thơm đặc trưng của mật ong
- Vị: Từ ngọt nhẹ đến ngọt khé

**4. Thành phần: Mật ong hoa rừng tự nhiên 100%****5. Các yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

- Theo TCVN 12605-2019: Tiêu chuẩn quốc gia về mật ong

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng nước	%	$\leq 23$
2	Hàm lượng fructose và glucose	g/100g	$\geq 60$
3	Hàm lượng sacarose	g/100g	$\leq 15$
4	Hàm lượng C4	%	$\leq 7$
5	Hàm lượng HMF	Mg/kg	$\leq 80$
6	Hoạt lực diatasa	schade	$\geq 3$
7	Axit tự do	Mili đương lượng axit/1000g	$\leq 50$
8	Độ dẫn điện	mS/cm	$\leq 0,8$
9	Hàm lượng chất rắn không tan trong nước	g/100g	$\leq 0,5$

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Arsen (As)	ppm	$\leq 1$
2	Thủy ngân (Hg)	ppm	$\leq 0,05$

3	Chì (Pb)	ppm	≤ 2
4	Cadimi (Cd)	ppm	≤ 1

- TCVN 5375:1991: Tiêu chuẩn Việt Nam về sản phẩm ong, yêu cầu vi sinh và phương pháp kiểm tra

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	TSVKHK	CFU/g	≤ 15.000
2	E.Coli	CFU/g	0
3	Vi khuẩn kỵ khí sinh H <sub>2</sub> S	CFU/g	0
4	Salmonella	CFU/25g	0
5	S.aureus	CFU/g	0
6	Nấm mốc	CFU/g	0
7	Nấm men	CFU/g	≤ 1000

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 04 năm 2024

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BAN HÀNH KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Nga*

**Nội dung ghi nhãn:**



## **MẬT ONG HOA RỪNG ĐẶC BIỆT**

### **1. Thành phần:**

Mật ong hoa rừng tự nhiên 100%

### **2. Hướng dẫn sử dụng:**

- Sử dụng mỗi ngày 15 g -30 g pha cùng nước ấm.
- Dùng trực tiếp, ngâm với thảo dược hoặc pha với trà, coffee, nước giải khát...

### **3. Thông tin cảnh báo:**

- Mật ong tự nhiên có thể bị kết tinh nhưng không làm giảm chất lượng sản phẩm. Hãy sử dụng bình thường hoặc ngâm với nước ấm 60 độ C cho đến khi tan ra.

### **4. Bảo quản:**

Để ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

### **5. Khối lượng tịnh:**

### **6. Ngày sản xuất in trên nắp chai**

Hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

### **7. Sản xuất và đóng gói tại: Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo**

Địa chỉ: Hưởng Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam

ĐT: (84)2113.871369 – 0968.969699

Email: [ongtamdao@honeco.com](mailto:ongtamdao@honeco.com)

Website: [www.honeco.com](http://www.honeco.com)

### **8. Số CB: 09/HONECO/2019**



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 11590/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên mẫu  
Name of sample: MẬT ONG HOA RỪNG ĐẶC BIỆT  
SPECIAL WILD HONEY
2. Mã số mẫu/Sample code: 03242896/DV.2
3. Mô tả mẫu  
Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa, thông tin mẫu dán trên chai, 800 g/chai.  
Số lượng: 2. NSX: Không có - HSD: Không có.  
Sample is put in plastic bottles, sample information is stuck on the bottle,  
800 g/bottle. Quantity: 2. MFG: No information - EXP: No information.
4. Số lượng mẫu  
Number of sample: 01 mẫu  
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu  
Sample storage time: Không có mẫu lưu  
No storage sample
6. Ngày nhận mẫu  
Sample received date: 25/03/2024
7. Thời gian thử nghiệm  
Testing time: 25/03/2024 - 02/04/2024
8. Nơi gửi mẫu  
Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO  
Địa chỉ: TDP Hưởng Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên,  
Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam  
TAM DAO BEE JOINT STOCK COMPANY  
Address: Huong Loc Residential Group, Dao Duc Town,  
Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Viet Nam
9. Kết quả thử nghiệm  
Test result(s): Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật  
Physicochemical and Microbiological tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH/ND (LOD: 1)
9.2*	<i>S. aureus</i>	CFU/g	ISO 6888-1:2021	KPH/ND (LOD: 10)
9.3*	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH/ND (eLOD <sub>50</sub> : 1)
9.4*	Tổng số nấm men Total yeasts	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	2,2 x 10
9.5*	Tổng số nấm mốc Total molds	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH/ND (LOD: 0)
9.6*	Tổng số vi khuẩn hiếu khí Total aerobic bacteria	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	KPH/ND (LOD: 1)
9.7*	Vi khuẩn kỵ khí sinh H <sub>2</sub> S Anaerobic H <sub>2</sub> S producing bacteria	CFU/g	TCVN 7902: 2008	KPH/ND (LOD: 1)
9.8*	Hàm lượng Arsenic Arsenic content	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH/ND (LOD: 0,007)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.9*	Hàm lượng Cadmi Cadmium content	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH/ND (LOD: 0,004)
9.10*	Hàm lượng Chì Lead content	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.11*	Hàm lượng Thủy ngân Mercury content	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH/ND (LOD: 0,004)
9.12	Độ dẫn điện Electrical conductivity	µS/cm	TCVN 12395:2018	415
9.13*	Hàm lượng Chất rắn không tan trong nước Water insoluble content	g/100g	TCVN 5264:1990	0,16
9.14*	Hàm lượng Fructose và Glucose Fructose and Glucose content	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC)	72,9
9.15	Hàm lượng Nước Water content	g/100g	AOAC 969.38B	18,8
9.16*	Hàm lượng Saccarose Sucrose content	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC)	2,41

*Ghi chú:* eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%  
LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử  
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

*Note* eLOD<sub>50</sub>: estimated limit of detection at 50%  
LOQ: limit of quantification of the method  
ND - Not detected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)

Hà Nội, 02/04/2024  
**KT.VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**  
**PP. DIRECTOR GENERAL**  
**DEPUTY DIRECTOR**

**TS. Lê Thị Phương Thảo**  
*Le Thi Phuong Thao, PhD.*

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**ANALYTICAL RESULTS**



BN: 240325055

Trang/ Page 1 / 1

**Tên khách hàng** : CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO  
**Client name** : TAM DAO BEE JOINT STOCK COMPANY  
**Địa chỉ** : TDP Hương Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam  
**Address** : Huong Loc Residential Group, Dao Duc Town, Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Vietnam  
**Mã số mẫu / Sample ID** : 240325055  
**Tên mẫu/ Name of Sample** : Mật ong hoa rừng đặc biệt  
**Mô tả mẫu/ Sample description** : Mật ong đựng trong chai nhựa/ Honey in plastic bottle  
**Nền mẫu / Matrix** : Mật ong/ Honey  
**Ngày nhận mẫu/ Date of sample received** : 25 / 03 / 2024  
**Thời gian phân tích/ Time of analysis** : 25 / 03 / 2024 - 29 / 03 / 2024  
**Ngày trả kết quả / Date of result delivered** : 29 / 03 / 2024

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Phương pháp Method
Protein of Honey (Protein mật ong)	-25.37	d-13C‰	AOAC 998.12 (*)
Honey (Mật ong)	-24.77	d-13C‰	AOAC 998.12 (*)
Difference Protein-Honey	-0.60	d-13C‰	AOAC 998.12 (*)
C4-Sugar content (Hàm lượng đường C4)	3.8	khoảng (approx.) %	AOAC 998.12 (*)
Adulteration with C4-sugar (Pha trộn với đường C4)	Không pha trộn Not Adulterated		AOAC 998.12 (*)

**Tiêu chuẩn của mật ong nguyên chất / Specifications of pure honey**

Hàm lượng C4 / C4 content: <7%

Giá trị tham khảo:

$\delta^{13}C$  (Mật ong / Honey): -29‰ đến -23.5‰

$\delta^{13}C$  (Thực vật C4 / C4 plants): -16.6‰ đến -10.4‰

Ghi chú / Note: (\*) Phương pháp được công nhận bởi VILAS / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS).

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

**Giám đốc**  
Director



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử được mã hóa như trên / The result only valid for the sample encoded as above.  
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty / The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS



BN: 240325055

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO  
Client name : TAM DAO BEE JOINT STOCK COMPANY  
Địa chỉ : TDP Hường Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam  
Address : Huong Loc Residential Group, Dao Duc Town, Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 240325055  
Tên mẫu/ Name of Sample : Mật ong hoa rừng đặc biệt  
Mô tả mẫu/ Sample description : Mật ong đựng trong chai nhựa/ Honey in plastic bottle  
Nền mẫu / Matrix : Mật ong/ Honey  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 25 / 03 / 2024  
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 25 / 03 / 2024 - 29 / 03 / 2024  
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 29 / 03 / 2024

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Test method
Độ Acid tự do (Free Acid)	25.0	ml NaOH 1N/kg		HD.TN.317:2019 (*)
Hoạt lực Diastase	9.0	DN		TCVN 5268:2008 (*)
HMF (Hydroxymethylfurfural)	KPH/ N.D	mg/kg (ppm)	5	HD.TN.056 (Ref. Journal of Chromatography A, 917 (2001) 95-103) (*)

### Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(\*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)

Phụ trách phòng thí nghiệm  
Officer in charge of laboratory



Ms. Trinh Thị Minh Nguyet

Giám đốc  
Director



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử được mã hóa như trên / The result only valid for the sample encoded as above.  
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty / The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ONG TAM ĐẢO**

Số:07/2025/CV-HONECO

V/v cập nhật thông tin hồ sơ tự  
công bố sản phẩm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, Ngày 21 tháng 07 năm 2025

**Kính gửi: CHI CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ  
TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ**

Công ty cổ phần Ong Tam Đảo xin trân trọng gửi lời chào và kính trình Quý cơ quan nội dung cập nhật như sau:

Căn cứ theo **Điều 5, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP** ngày 02 tháng 02 năm 2018 của chính phủ về việc tự công bố sản phẩm, công ty chúng tôi đã thực hiện tự công bố sản phẩm

### **I. Thông tin về sản phẩm**

- **Tên sản phẩm:** Mật Ong Hoa rừng đặc biệt
- **Số tự công bố:** 09/HONECO/2019
- **Ngày tự công bố:** 26/08/2019

Nay công ty xin cập nhật một số nội dung trong hồ sơ tự công bố như sau:

#### **1. Cập nhật địa chỉ doanh nghiệp:**

- Địa chỉ trên bản tự công bố sản phẩm cũ: Tổ dân phố Hương Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.
- Địa chỉ hiện nay sau khi sát nhập theo địa giới hành chính: Tổ dân phố Hương Lộc, Xã Xuân Lãng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

(Lưu ý: địa điểm sản xuất thực tế không thay đổi, chỉ cập nhật theo Quy định Nhà nước)

#### **2. Bổ sung mục đích sử dụng sản phẩm trên nhãn:**

- Sử dụng mỗi ngày 15g – 30g pha cùng nước ấm.
- Dùng trực tiếp, ngâm với thảo dược hoặc pha với trà, coffe, nước giải khát....
- Dùng làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm.

#### **3. Bổ sung thông tin trên nhãn sản phẩm như sau:**

**“ Sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP và FSSC 22000 quốc tế “**

Sản phẩm được cấp giấy chứng nhận OCOP 4 sao năm 2024 theo quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

#### **3. Bổ sung quy cách đóng gói và quy cách đóng gói:**

- Sản phẩm được đựng trong bao bì lọ thủy tinh, hũ nhựa, can nhựa hoặc túi màng nhôm đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế



- Quy cách đóng gói 10g, 15g, 25g, 30g, 45g, 100g, 250g, 360g, 400g, 500g, 700g, 800g, 860g, 1000g, 1400g, 2000g,.... 20kg, 25kg, 27kg.

## II. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn dự kiến: Nội dung đính kèm hồ sơ

Công ty cam kết rằng việc cập nhật trên **không làm thay đổi bản chất, thành phần, quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm đã công bố trước đó.**

Kính đề nghị Quý cơ quan tiếp nhận và lưu hồ sơ cập nhật theo quy định.

**Trân trọng cảm ơn!**

*Nơi nhận:*

-Như kính gửi;

-Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐÀO**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Nga*



**Nội dung ghi nhãn:**



## **MẬT ONG HOA RỪNG ĐẶC BIỆT**

### **1. Thành phần:**

Mật ong Hoa rừng tự nhiên 100%

### **2. Hướng dẫn sử dụng:**

- Sử dụng mỗi ngày 15 g -30 g pha cùng nước ấm.
- Dùng trực tiếp, ngâm với thảo dược hoặc pha với trà, coffee, nước giải khát...
- Dùng làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm.

### **3. Thông tin cảnh báo:**

- Mật ong tự nhiên có thể bị kết tinh nhưng không làm giảm chất lượng sản phẩm. Hãy sử dụng bình thường hoặc ngâm với nước ấm 60 độ C cho đến khi tan ra.

### **4. Bảo quản:**

Đề ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

### **5. Khối lượng tịnh:**

**6. Ngày sản xuất:** có thể được in trên nắp hoặc trên nhãn

Hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

7. Sản phẩm được cấp giấy chứng nhận OCOP 4 sao năm 2024 theo quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

**8. Sản xuất và đóng gói tại nhà máy Công Ty Cổ Phần Ong Tam Đảo đạt chuẩn GMP và FSSC 22000 quốc tế:**

Địa chỉ: Tổ dân phố Hương Lộc, Xã Xuân Lãng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Email: [ongtamdao@honeco.com](mailto:ongtamdao@honeco.com)

ĐT: (84)2113.871369 – 0968.969699

Website: [www.honeco.com](http://www.honeco.com)

**8. Số CB: 09/HONECO/2019**

